

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 177/2024/HC-PT

Ngày 14 tháng 3 năm 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 937/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1628/2023/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2024/QĐPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần Văn Q, sinh năm 1968 (có mặt)

Cư trú: A1/5C41 tổ A, ấp A, Trần Đại N, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 349 T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện ủy quyền: Ông Huỳnh Cao C – Phó Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Bà Trần Thúy T – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (có mặt);

Bà Trương Hồng V – Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện B (vắng mặt)

Bà Hồ Thị Đài T1 – Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện B (có mặt);

Ông Tạ Vĩ D – Công chức - Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty Cổ phần T7

Trụ sở: A1/5C41 tổ A, ấp A, Trần Đại N, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q – Giám đốc (có mặt)

3.2 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (có mặt)

3.3 Bà Thái Thị S, sinh năm 1971 (vắng mặt)

3.4 Ông Phan Văn T2, sinh năm 1969 (vắng mặt)

3.5 Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1975 (vắng mặt)

3.6 Ông Chu Thanh N1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.7 Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3.8 Ông Nguyễn Quang V1, sinh năm 1971 (vắng mặt)

3.9 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

3.10 Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.11 Ông Phạm Khắc C1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.12 Ông Phan Trí T4, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng cư trú: A1/5C41 tổ A, ấp A, Trần Đại N, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Trần Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 03/8; 19/9/2022, người khởi kiện trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Chủ tịch UBND huyện B) ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (viết tắt Quyết định XPVPHC) số 128/QĐ-XPHC, số 129/QĐ-XPHC, số 130/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 (viết tắt 03 Quyết định XPVPHC) và các Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (viết tắt Quyết định CC) số 193/QĐ-CCXP, số 194/QĐ-CCXP, số 195/QĐ-CCXP ngày 01/7/2022 (viết tắt 03 Quyết định CC).

Tôi đã nhận được các quyết định nêu trên và khẳng định: không có chiếm giữ, quản lý, sử dụng các thửa đất mà biên bản xử phạt đã đề cập. Thực tế, các thửa đất này đã thuộc quyền sử dụng của Công ty Cổ phần T7 (viết tắt Công ty

T7) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 18/01/2021 do tôi là người đại diện theo pháp luật và nhân viên của Công ty đã quản lý, sử dụng, canh tác rất nhiều năm nay trước khi Công ty T8.

Việc cưỡng chế tháo dỡ các công trình, cây trồng trên các thửa đất sẽ ảnh hưởng rất lớn đến lợi ích và đời sống của nhân viên Công ty T7 vốn đã sinh sống và làm ăn trên phần đất này. Do đó, tôi nhận thấy các thửa đất này không phải là đất rừng phòng hộ, không phải đất lấn chiếm vì quỹ đất này khai hoang từ năm 1986 đến nay, các thành viên Công ty đã đóng góp công sức; tiền của và phân chia cho hàng trăm công nhân không có nơi ở Công ty đang quản lý đất hiện nay. Công ty xin duyệt dự án trùng lấp nên Công ty S2 và Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (viết tắt UBND xã L) có mời bồi thường nhưng không đồng ý. Tôi không hiểu vì sao cán bộ địa phương cho rằng đây là đất phòng hộ, phía sau lưng có lợi ích nhóm của tập thể các cán bộ.

Việc ban hành các văn bản nêu trên đối với cá nhân tôi là hoàn toàn sai trái nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy các quyết định hành chính nêu trong Đơn khởi kiện.

Văn bản số 1192/UBND ngày 07/4/2023, đại diện người bị kiện trình bày:

Việc xử lý vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn Q không có mặt tại địa điểm vi phạm có hành vi chiếm đất nông nghiệp đối với một phần diện tích đất lấn chiếm có nguồn gốc pháp lý và thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị S tại xã L, huyện B (viết tắt Dự án KĐT Sing-V) được ghi nhận trong quá trình giải quyết như sau:

Thứ nhất, diện tích đất mùa 1.760m²/8.013m² thuộc một phần thửa 172, tờ bản đồ (viết tắt tờ BĐ) số 01 theo Tài liệu 02/CT-UB tương ứng một phần thửa 22, tờ BĐ số 41 theo Bản đồ địa chính (viết tắt BĐĐC) năm 2003 là của ông Lê Văn B được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ) số 0670/QSDĐ/GCN2002 ngày 02/02/2002 và đã cập nhật biến động chuyển nhượng ngày 29/11/2002 cho bà Bùi Thị Tuyết .

Ngày 27/4/2022, UBND xã L lập Biên bản vi phạm hành chính (viết tắt Biên bản VPHC) số 02/BB-VPHC và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (viết tắt Biên bản XM) số 02/BB-XM ngày 04/5/2022 tại địa điểm xảy ra vi phạm tổ A, ấp A, xã L, huyện B với tổng diện tích trồng chuối, trà, rau màu là 44m x 40m và tổng diện tích xây dựng thể hiện: công trình 1 = 3m x 5m, công trình 2 = 3m x 5m, công trình 3 = 4m x 4,15m, kết cấu: cột cây, vách bạt, mái tole + bạt.

Ngày 20/5/2022, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định XPVPHC số 128/QĐ-XPVC về lấn chiếm đất 1.760m² và hiện trạng xây dựng 46,6m². Thời điểm vi phạm: tháng 5/2021 và mức phạt tiền 7,5 triệu đồng.

Ngày 01/7/2022, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định CC số 194/QĐ-CCXP do không thực hiện quyết định trên.

Thứ hai, diện tích đất mùa $4.550\text{m}^2/7.365\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 192, tờ BĐ số 02 theo Tài liệu 02/CT-UB tương ứng thửa 105, tờ BĐ số 41 theo BĐĐC năm 2003 là của ông Lê Minh T5 được UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ số 1360/QSDĐ/GCN2003 ngày 13/10/2003.

Ngày 27/4/2022, UBND xã L lập Biên bản VPHC số 01/BB-VPHC và Biên bản XM số 01/BB-XM ngày 04/5/2022 tại địa điểm xảy ra vi phạm tổ C, ấp B, xã L, huyện B với tổng diện tích trồng chuối, mít là $65\text{m} \times 70\text{m}$ và tổng diện tích xây dựng thể hiện: công trình 1 = $3\text{m} \times 4\text{m}$, công trình 2 = $4\text{m} \times 10\text{m}$ với kết cấu: cột cây + sắt, vách tole, mái tole + bạt.

Ngày 20/5/2022, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định XPVPHC số 129/QĐ-XPVC về lần chiếm đất 4.550m^2 và hiện trạng xây dựng 52m^2 . Thời điểm vi phạm: tháng 4/2022 và mức phạt tiền là 20 triệu đồng.

Ngày 01/7/2022, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định CC số 193/QĐ-CCXP do không thực hiện quyết định trên.

Thứ ba, diện tích đất mùa $2.576\text{m}^2/5.917\text{m}^2$ thuộc thửa 805, tờ BĐ số 01 theo Tài liệu 02/CT-UB tương ứng một phần thửa 31, tờ BĐ số 41 theo BĐĐC năm 2003 là của ông Phạm Nhân C2 được UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ số 0598/QSDĐ/GCN2001 ngày 28/12/2001.

Ngày 04/5/2022, UBND xã L lập Biên bản VPHC số 03/BB-VPHC và Biên bản XM số 03/BB-XM tại địa điểm xảy ra vi phạm tổ A, ấp A, xã L, huyện B với tổng diện tích là $42,93\text{m} \times 60\text{m}$ và tổng diện tích xây dựng thể hiện: công trình 1 = $4\text{m} \times 3\text{m}$, công trình 2 = $5\text{m} \times 8\text{m}$, công trình 3 = $7\text{m} \times 6\text{m}$, công trình 4 = $8\text{m} \times 6\text{m}$, công trình 5 = $5\text{m} \times 6\text{m}$, công trình 6 = $10\text{m} \times 5\text{m}$, công trình 7 = $3\text{m} \times 10\text{m}$ và công trình 8 = $8,1\text{m} \times 5,3\text{m}$ với kết cấu: cột cây, vách tole + bạt, mái tole + bạt.

Ngày 20/5/2022, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định XPVPHC số 130/QĐ-XPVC về lần chiếm đất 2.576m^2 và hiện trạng xây dựng $294,93\text{m}^2$. Thời điểm vi phạm: tháng 12/2021 và mức phạt tiền là 7,5 triệu đồng.

Ngày 01/7/2022, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định CC số 195/QĐ-CCXP do không thực hiện quyết định trên.

03 Quyết định XPVPHC nêu trên đều buộc phải khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm được niêm yết 03 Biên bản VPHC, 03 Biên bản XM đối với ông Trần Văn Q, đồng thời đã tổ chức thực hiện xong việc cưỡng chế ba thửa đất nêu trên vào ngày 25/11/2022.

Do đó, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q. Đồng thời, đề nghị vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án.

Quá trình giải quyết, Tòa án kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1628/2023/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 213 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 67 và Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q hủy các văn bản sau:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 128/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 129/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 130/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 193/QĐ-CCXP ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 194/QĐ-CCXP ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 195/QĐ-CCXP ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/9/2023, người khởi kiện là ông Trần Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Xét thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện: Chủ tịch UBND huyện B ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các Quyết định cưỡng chế là đúng thẩm quyền tại khoản 2 Điều 38 và Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

[2.2] Về nguồn gốc pháp lý các khu đất ông Trần Văn Q vi phạm tại các Quyết định trên có nguồn gốc và quá trình biến động như sau: Tại Quyết định số 128/QĐ - XPHC: Vị trí khu đất thuộc một phần thửa 172, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu DO CT-UB), tương ứng một phần thửa 22, tờ bản đồ số 41 (tài liệu BĐĐC) xã L, huyện B, đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0670/QSDD/GCN2002 ngày 02 tháng 02 năm 2002 cấp cho ông Lê Văn B. Ngày 29 tháng 11 năm 2002, cập nhật biến động ông B chuyển nhượng toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Bùi Thị T6 theo hợp đồng số 0185/CN ngày 29 tháng 11 năm 2002 có xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện B. Ngày 25 tháng 6 năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện B có Quyết định số 3427/QĐ-UBND về thu hồi đất của bà Bùi Thị T6 tại xã L để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị S - Việt. Ngày 25 tháng 10 năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện B có Quyết định số 5738/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với bà Bùi Thị T6 trong Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị S, tại xã L, huyện B. Ngày 15 tháng 4 năm 2011, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B có biên bản giao nhận mặt bằng với bà Bùi Thị T6, bà T6 đã đồng ý ký xác

nhận bản giao khu đất nêu trên. Tại Quyết định số 129/QĐ – XPHC: Vị trí khu đất thuộc một phần thửa 192, tờ bản đồ số 02 (theo Tài liệu 02/CT-UB), tương ứng một phần thửa 105, tờ bản đồ số 41 (tài liệu BĐĐC) xã L, huyện B, đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1360/QSĐĐ/GCN2003 ngày 13 tháng 10 năm 2003 cấp cho ông Lê Minh T5. Ngày 03 tháng 9 năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện B có Quyết định số 4690/QĐ-UBND về thu hồi đất của hộ ông Lê Minh T5 tại xã L để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị S - Việt.

[2.3] Tại Văn bản số 1192/UBND ngày 07/4/2023 của người bị kiện xác định: diện tích 1.760m², 4.550m² và 2.576m² nêu tại 03 Quyết định XPVPHC về việc buộc ông Trần Văn Q khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm là những thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn B cấp năm 2005, của ông Lê Minh T5 cấp năm 2003 và của ông Phạm Nhân C2 cấp năm 2001 được ghi nhận trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích sử dụng là đất mùa và thuộc Dự án Khu đô thị S-V đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo tiến độ dự án là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông Trần Văn Q về đăng ký nơi cư trú tại xã L, huyện B từ những năm 1986 khai hoang nguồn gốc đất sử dụng nêu trên cũng như việc kê khai nhà đất, nộp thuế nhà đất, được chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến việc chuyển quyền sử dụng các thửa đất nêu trên vào tài sản của Công ty T7 vào đầu năm 2021.

[2.4] Theo Báo cáo của Công an xã L, huyện B lập ngày 15/4/2022 ghi nhận: Lúc 16 giờ ngày 00 phút ngày 14/4/2021, phát hiện ông Trần Văn Q xây dựng không phép 05 trường hợp trên đất S1 – Việt với mỗi căn nhà khoảng 30m² (5m x 6m). UBND xã L lập Biên bản VPHC số 01/BB-VPHC; số 02/BB-VPHC ngày 27/4/2022 và số 03/BB-VPHC ngày 04/5/2022 đồng thời lập 03 Biên bản xác minh ngày 04/5/2022 đối với ông Trần Văn Q có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn với các diện tích thuộc một phần các thửa nêu trong biên bản. Từ đó, Chủ tịch UBND huyện B ban hành các Quyết định XPVPHC số 128/QĐ-XPHC; 129/QĐ-XPHC; số 130/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 và các Quyết định cưỡng chế số 193/QĐ-CCXP; số 194/QĐ-CCXP; số 195/QĐ-CCXP ngày 01/7/2022 do ông Q không chấp hành 03 Quyết định XPVPHC là đúng quy định tại Điều 67 và Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), điểm c khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, Điều 33 Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ qui định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của ông Q là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn Q phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn Q. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1628/2023/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 67 và Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q hủy các văn bản sau:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 128/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 129/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 130/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 193/QĐ-CCXP ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 194/QĐ-CCXP ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 195/QĐ-CCXP ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Trần Văn Q chịu án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào Biên lai thu số 03665 ngày 09/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Văn Q đã nộp đủ số tiền.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn Q phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002088 ngày 19/9/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy